

Số: 1556/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của
Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024);

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Nghị định số 152/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh tại Tờ trình số 717/TTr-THADS ngày 22 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

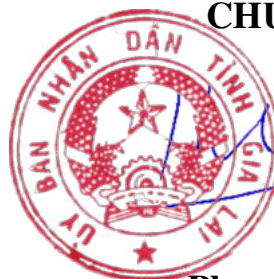
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 05/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Ban Chỉ đạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPTD VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, C3;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo); nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Chỉ đạo; chế độ làm việc và mối quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo.

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc hoạt động

1. Chức năng

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 173 Luật Thi hành án dân sự; Điều 3 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Nghị định số 152/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn; giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự; chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Tham mưu xây dựng dự thảo chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan với cơ quan thi hành án dân sự tham mưu, đề xuất các biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo, ý kiến, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

đ) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác thi hành án dân sự tại địa phương.

e) Kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời đối với những vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Tôn trọng hoạt động nghiệp vụ của cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Phát huy hiệu quả công tác phối hợp của các cấp, các ngành trong thi hành án dân sự phù hợp với vai trò, trách nhiệm được giao.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TRƯỞNG BAN, PHÓ TRƯỞNG BAN, THÀNH VIÊN VÀ TỔ THƯ KÝ BAN CHỈ ĐẠO

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban Ban Chỉ đạo

1. Điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo;
2. Quyết định nội dung cuộc họp, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo;
3. Phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban và thành viên Ban Chỉ đạo;
4. Chỉ đạo sự phối hợp hoạt động của các thành viên Ban Chỉ đạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan ở địa phương trong công tác thi hành án dân sự;
5. Quyết định kiểm tra hoặc cử thành viên Ban Chỉ đạo phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi hành án dân sự ở địa phương;
6. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo

1. Thường trực Ban Chỉ đạo, thay mặt Trưởng ban Ban Chỉ đạo điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo khi Trưởng ban vắng mặt hoặc được Trưởng ban ủy quyền;

2. Giúp Trưởng ban trong việc chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về những công việc được Trưởng ban giao;

3. Trực tiếp giải quyết các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo, ký các văn bản của Ban Chỉ đạo theo ủy quyền của Trưởng ban để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này;

4. Chỉ đạo tổ chức các cuộc họp, các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo và các điều kiện làm việc của Ban Chỉ đạo;

5. Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

6. Đôn đốc cơ quan thi hành án dân sự, các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện ý kiến, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Chỉ đạo

1. Nhiệm vụ, quyền hạn chung:

a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo;

b) Đề xuất biện pháp giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này;

c) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị mình, có trách nhiệm chỉ đạo hoặc đề xuất chỉ đạo đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành, đơn vị mình phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án dân sự theo quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ đạo;

d) Cùng tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị mình xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc chức năng quản lý của ngành, đơn vị mình có liên quan đến việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này; truyền đạt nội dung kết luận các phiên họp của Ban Chỉ đạo tới ngành, đơn vị mình để phối hợp thực hiện;

đ) Phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này theo quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ đạo;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban Ban Chỉ đạo phân công.

2. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn chung theo khoản 1 Điều này, từng thành viên Ban Chỉ đạo còn có trách nhiệm:

a) Giám đốc Sở Tư pháp

Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự thực hiện các nhiệm vụ của Sở Tư pháp trong việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực đối với hợp đồng, giao dịch trên địa bàn tỉnh; phối hợp cung cấp thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn đối với tài sản trong các vụ án và tài sản đảm bảo thi hành án trên địa bàn tỉnh.

b) Công an tỉnh

- Chỉ đạo cơ quan điều tra thực hiện tốt việc chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ cho cơ quan thi hành án dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Công an các xã, phường kịp thời xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự trong cường chế thi hành án theo đề nghị của cơ quan Thi hành án dân sự và ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, kịp thời cung cấp các thông tin của công dân là đương sự khi có yêu cầu của cơ quan Thi hành án dân sự.

- Chỉ đạo Trại tạm giam Công an tỉnh, Phân trại tạm giam thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh thực hiện tốt Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT/BTP-BCA-BTC ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục thu, nộp, quản lý tiền, giấy tờ của người phải thi hành án dân sự và trả tiền, giấy tờ cho người được thi hành án dân sự là phạm nhân.

c) Sở Tài chính

- Phối hợp với Thi hành án dân sự tỉnh trong việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước hoặc tiêu hủy theo đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn Thi hành án dân sự tỉnh lập dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan tham gia, hỗ trợ Thi hành án dân sự tỉnh trong trường hợp xác định giá trị tài sản để thu phí thi hành án trong trường hợp Tòa án không xác định giá trị; xác định giá trị tài sản thi hành án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật thi hành án dân sự và Điều 26 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Nghị định số 152/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ).

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện đầy đủ trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 178 Luật Thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan, kịp thời cung cấp các thông tin về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của người phải thi hành án hoặc liên quan đến việc thi hành án.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc tổ chức cưỡng chế thi hành án đối với các trường hợp liên quan đến tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản khác theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên mời tham gia Ban Chỉ đạo

1. Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo các tổ chức thành viên thực hiện tốt việc phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức; thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của các cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Đại diện lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh

Chỉ đạo Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh

Chỉ đạo Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Luật Thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo

1. Giúp Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo; các dự thảo chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này;

2. Theo dõi tiến độ thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo; các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này. Trường hợp có vấn đề phát sinh trong việc tổ chức thực hiện thì kịp thời báo cáo Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo để có biện pháp giải quyết;

3. Đề xuất nội dung cuộc họp và chuẩn bị cuộc họp của Ban Chỉ đạo, ghi biên bản các cuộc họp của Ban Chỉ đạo;

4. Gửi chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này đến các thành viên trong Ban Chỉ đạo, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan biết để thực hiện;

5. Chuẩn bị văn bản, báo cáo để Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban ký trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này sau khi có kết luận của Ban Chỉ đạo;

6. Tổng hợp tình hình, xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này và báo cáo hoạt động của Ban Chỉ đạo trình Trưởng ban xem xét ban hành;

7. Thực hiện chế độ lưu trữ các văn bản, tài liệu hoạt động của Ban Chỉ đạo theo quy định của pháp luật;

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban Ban Chỉ đạo phân công.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 9. Chế độ làm việc

1. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ tập thể. Các thành viên tham gia vào các hoạt động của Ban Chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

2. Ban Chỉ đạo họp định kỳ 06 tháng/lần, họp đột xuất theo yêu cầu của Trưởng ban. Trong trường hợp cần thiết, Phó Trưởng ban có thể báo cáo Trưởng ban và đề nghị họp Ban Chỉ đạo.

a) Trước khi tổ chức họp ít nhất 03 ngày làm việc, tài liệu họp phải được gửi cho các thành viên Ban Chỉ đạo. Thành viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung vụ việc mà Ban Chỉ đạo sẽ thảo luận để Tổ Thư ký báo cáo tại cuộc họp.

b) Trong các cuộc họp, các vấn đề được đưa ra thảo luận, bàn bạc tập thể, Trưởng ban (hoặc Phó Trưởng ban được ủy quyền) kết luận theo đa số. Kết luận của Ban Chỉ đạo phải thể hiện ý kiến của các thành viên tham dự cuộc họp, do Trưởng ban hoặc người được Trưởng ban ủy quyền ký. Trong trường hợp cần thiết, kết luận tại cuộc họp được báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến giải quyết. Quá trình thực hiện kết luận, nếu có vấn đề phát sinh, Ban Chỉ đạo tổ chức họp lại để phân tích, đánh giá và đưa ra các đề xuất nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh đó.

Điều 10. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Kế hoạch chỉ đạo, giải quyết các việc thi hành án dân sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quy chế này và ý kiến chỉ đạo của Trưởng ban Ban Chỉ đạo được gửi đến các thành viên Ban Chỉ đạo, các cơ quan, tổ chức có liên quan biết để thực hiện.

2. Ban Chỉ đạo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo từng vụ việc cưỡng chế thi hành án dân sự; định kỳ sáu tháng, hằng năm Ban Chỉ đạo báo cáo kết quả hoạt động với Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo với các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Ban Chỉ đạo chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động, phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan ở địa phương với cơ quan thi hành án dân sự trong công tác thi hành án dân sự.

2. Ban Chỉ đạo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có liên quan ở địa phương để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thi hành án dân sự.

Điều 12. Quan hệ công tác giữa Ban Chỉ đạo với Thi hành án dân sự tỉnh

1. Ban Chỉ đạo kịp thời tổ chức cuộc họp để bàn biện pháp chỉ đạo việc phối hợp trong thi hành án dân sự và tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự theo đề nghị của Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh.

2. Thi hành án dân sự tỉnh chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời báo cáo với Ban Chỉ

đạo đề tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Luật Thi hành án dân sự .

Điều 13. Lấy số văn bản và sử dụng con dấu

1. Văn bản của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tuân thủ đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Văn bản của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự được lấy số và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân tỉnh (trong trường hợp Trưởng ban Ban Chỉ đạo ký) hoặc sử dụng con dấu của Thi hành án dân sự tỉnh (trong trường hợp Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo – Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh được Trưởng ban Ban Chỉ đạo ủy quyền ký).

Điều 14. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh do ngân sách tỉnh bảo đảm, được cấp qua Thi hành án dân sự tỉnh.

Hàng năm, Thi hành án dân sự tỉnh lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách tỉnh, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký được hưởng chế độ bồi dưỡng theo mức chi, nguồn chi bồi dưỡng cưỡng chế thi hành án dân sự và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

Trưởng ban Ban Chỉ đạo và thành viên Ban Chỉ đạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.